TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: **511**/2017/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 619/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa :

Người yêu cầu :

- Anh Lê Tự H, sinh năm 1961;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và ở tại : 107 – A5 T, phường T, Quận B, thành phố H.

- Chị Mai Thị Tuyết N, sinh năm: 1962;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và ở tại : 107 – A5 T, phường T, Quận B, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **:** Anh Lê Tự H và chị Mai Thị Tuyết N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân : Anh Lê Tự H và chị Mai Thị Tuyết N thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số : II/1988 do UBND phường T, Quận B, thành phố H cấp ngày 01/3/1988).

2.2 Về nuôi con chung: Anh H và chị N xác nhận có 01 con chung là cháu: Lê Minh Đ (nam) – sinh ngày 21/9/1988 và cháu Lê Mai Huyền C (nữ) – sinh ngày 19/3/1990. Các cháu đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.3 Về tài sản chung : Anh chị xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.4 Về nhà ở chung : Anh chị xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.5 Về nợ : Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.6 Về lệ phí dân sự sơ thẩm : Anh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số 0007775 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Anh H đã nộp đủ 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B ;
- UBND phường T, Quận B, thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
NGÔ THỊ VÂN.